

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến 30/6/2024

Hà Nội tháng 8 năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 34

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Xi măng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Tổng công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên, Phụ trách Hội đồng thành viên
Ông Phạm Đức Cường	Thành viên
Ông Vũ Thế Hà	Thành viên
Ông Lưu Đình Cường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 14/6/2024)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lê Nam Khánh	Tổng giám đốc
Ông Đinh Quang Dũng	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Hữu Hà	Phó Tổng giám đốc
Ông Ngô Đức Lưu	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 30/6/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,



Lê Nam Khánh
Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2024

Số: 169/2024/BCSX-AVI-TC1

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: **Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc
Tổng công ty Xi măng Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng công ty"), được lập ngày 15/8/2024, từ trang 04 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam tại ngày 30/6/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vũ Bình Minh
Tổng giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0034-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu số B01a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.725.802.851.937	4.739.982.245.391
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	618.868.721.481	660.048.959.170
1. Tiền	111		139.907.431.694	155.302.684.573
2. Các khoản tương đương tiền	112		478.961.289.787	504.746.274.597
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.251.064.841.190	2.088.399.236.914
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	2.251.064.841.190	2.088.399.236.914
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.847.738.818.808	1.983.398.595.792
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	421.509.391.214	365.220.273.022
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	94.606.233.085	92.154.932.438
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	1.097.000.000.000	1.105.500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	236.027.686.200	421.927.882.023
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(1.404.491.691)	(1.404.491.691)
IV. Hàng tồn kho	140		12.321.156	17.304.213
1. Hàng tồn kho	141		12.321.156	17.304.213
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.118.149.302	8.118.149.302
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	8.118.149.302	8.118.149.302
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.010.571.446.984	12.241.470.151.109
I. Tài sản cố định	220		389.612.170.652	390.813.729.814
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	15.495.892.304	16.697.451.466
- Nguyên giá	222		87.337.719.164	87.337.719.164
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.841.826.860)	(70.640.267.698)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	374.116.278.348	374.116.278.348
- Nguyên giá	228		392.700.060.022	392.700.060.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.583.781.674)	(18.583.781.674)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		881.321.184.653	881.321.184.653
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	881.321.184.653	881.321.184.653
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		10.725.846.289.679	10.955.543.434.642
1. Đầu tư vào công ty con	251	16	11.625.303.583.730	11.625.303.583.730
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	17	2.005.951.403.394	2.005.951.403.394
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	18	342.169.399.950	342.169.399.950
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.247.578.097.395)	(3.017.880.952.432)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		13.791.802.000	13.791.802.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	13.791.802.000	13.791.802.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		16.736.374.298.921	16.981.452.396.500

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

MẪU SỐ B01a - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		177.530.141.798	295.097.145.971
I. Nợ ngắn hạn	310		177.530.141.798	295.097.145.971
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	31.730.347.051	37.442.962.225
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	417.505.611
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	4.589.301.175	69.954.670.244
4. Phải trả người lao động	314		33.782.973.326	53.855.628.598
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	59.605.188.744	72.679.279.680
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	24.193.061.218	27.113.750.458
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		23.629.270.284	33.633.349.155
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		16.558.844.157.123	16.686.355.250.529
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	16.558.844.157.123	16.686.355.250.529
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.033.985.412.409	15.033.985.412.409
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		97.859.545.560	97.859.545.560
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.554.510.292.560	1.554.510.292.560
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(127.511.093.406)	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(127.511.093.406)	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		16.736.374.298.921	16.981.452.396.500

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2024

Người lập



Trịnh Thị Hương

Kế toán trưởng



Văn Quang Đức

Tổng giám đốc



Lê Nam Khánh

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến 30/6/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	107.417.577.334	120.131.785.591
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		107.417.577.334	120.131.785.591
4. Giá vốn hàng bán	11	26	3.521.250.757	3.490.206.413
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		103.896.326.577	116.641.579.178
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	111.754.912.134	256.633.598.443
7. Chi phí tài chính	22	28	229.697.144.963	48.030.594.062
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	113.458.164.985	121.561.833.367
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(127.504.071.237)	203.682.750.192
11. Thu nhập khác	31	30	-	3.974.436
12. Chi phí khác	32	30	7.022.169	613.751
13. Lợi nhuận khác	40		(7.022.169)	3.360.685
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(127.511.093.406)	203.686.110.877
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(127.511.093.406)	203.686.110.877

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2024

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Văn Quang Đức

Lê Nam Khánh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến 30/6/2024

MẪU SỐ B03a - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(127.511.093.406)	203.686.110.877
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.201.559.162	2.260.511.167
- Các khoản dự phòng	03	229.697.144.963	47.800.427.448
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(87.366.598)	(6.006.623)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(111.667.545.536)	(256.597.360.182)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(8.367.301.415)	(2.856.317.313)
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(56.277.613.242)	(109.351.240.979)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	4.983.057	2.769.390
- Tăng/giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(38.448.095.181)	(71.984.735.190)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	-	(149.435.700)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	5.859.838.150	40.000.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(19.492.917.021)	(63.693.574.071)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(116.721.105.652)	(208.032.533.863)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.961.311.000)	(216.190.910)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(885.000.000.000)	(675.023.912.921)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	741.011.407.199	859.738.237.296
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	286.889.235.287	337.942.450.109
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	140.939.331.486	522.440.583.574
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(65.485.830.121)	(270.613.813.794)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(65.485.830.121)	(270.613.813.794)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(41.267.604.287)	43.794.235.917
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	660.048.959.170	688.806.807.860
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	87.366.598	6.006.623
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	618.868.721.481	732.607.050.400

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc







Trịnh Thị Hương

Văn Quang Đức

Lê Nam Khánh

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu

Tổng công ty Xi măng Việt Nam ("Tổng công ty" hay "VICEM") là công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu, được chuyển đổi từ công ty nhà nước theo Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ. VICEM đổi tên từ Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam thành Tổng công ty Xi măng Việt Nam theo Quyết định số 852/QĐ-BXD ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Bộ Xây dựng và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106320 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 7 năm 2011, đăng ký sửa đổi lần thứ sáu được cấp ngày 11 tháng 11 năm 2021.

Theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê về việc duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025, Tổng công ty sẽ tiếp tục duy trì hình thức công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ giai đoạn 2022 - 2025.

Trụ sở chính của Tổng công ty đặt tại số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng công ty tại ngày 30/6/2024 là 229 người (ngày 31/12/2023: 235 người).

Hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker.

Ngành nghề kinh doanh liên quan:

- Kinh doanh than, thạch cao, vận tải cho chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh xi măng;
- Cung ứng các dịch vụ tư vấn, chuyển giao kỹ năng quản lý, quản trị doanh nghiệp, kỹ thuật, thị trường;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực;
- Tư vấn đầu tư, xây dựng và phát triển xi măng;
- Lĩnh vực vật liệu xây dựng liên quan chuỗi giá trị ngành xi măng;
- Các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng công ty được thực hiện trong thời gian 12 tháng.

Cấu trúc của Tổng công ty

Cơ cấu Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam bao gồm Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc bao gồm:

- Ban quản lý Dự án Trung tâm Điều hành VICEM và Khu tổng hợp Vĩnh Tuy thành phố Hà Nội.
- Ban quản lý Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi, Nghệ An.
- Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng (CCID).

Đơn vị hành chính sự nghiệp:

- Viện Công nghệ Xi măng Vicem (VTCL).

Theo Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định 528/QĐ-BXD ngày 11/06/2024, Tổng công ty sẽ tổ chức lại CCID và VTCL vào thời điểm thích hợp, phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh của VICEM và quy định của pháp luật.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng công ty như sau:

STT	Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Hải Dương	100%	100%	Sản xuất xi măng
2.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	Hải Phòng	100%	100%	Sản xuất xi măng
3.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Ninh Bình	100%	100%	Sản xuất xi măng
4.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	Hồ Chí Minh	79,69%	79,69%	Sản xuất xi măng
5.	Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Thanh Hóa	73,15%	73,15%	Sản xuất xi măng
6.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Hà Nam	79,52%	79,52%	Sản xuất xi măng
7.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Nghệ An	73,80%	73,80%	Sản xuất xi măng
8.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Đà Nẵng	75,75%	75,75%	Sản xuất xi măng
9.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	Phú Thọ	80,79%	80,79%	Sản xuất xi măng
10.	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Quảng Ninh	82,69%	82,69%	Sản xuất xi măng
11.	Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	Hà Nội	62,95%	62,95%	Kinh doanh than, rác bùn thải
12.	Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng (i)	Hà Nội	59,64%	59,64%	Kinh doanh xi măng
13.	Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng (i)	Đà Nẵng	65,81%	65,81%	Kinh doanh xi măng, VLXD
14.	Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng (i)	Thừa Thiên Huế	59,18%	61,21%	Kinh doanh thạch cao
15.	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng (i)	Hải Phòng	53,86%	53,86%	Dịch vụ vận tải
16.	Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch (i)	Hải Dương	51,61%	51,61%	Dịch vụ vận tải
17.	Công ty Cổ phần Logistic Vicem	Hồ Chí Minh	50,08%	50,08%	Dịch vụ vận tải

(i): Theo Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định 528/QĐ-BXD ngày 11/06/2024, Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn tại các công ty con này.

Ngoài các công ty con góp vốn đầu tư trực tiếp, Tổng công ty có các công ty con sở hữu gián tiếp (thông qua các công ty con khác) như sau:

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

STT	Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long (công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long)	Hồ Chí Minh	82,69%	100,00%	Sản xuất xi măng
2.	Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung (công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn)	Quảng Ngãi	56,18%	76,80%	Sản xuất xi măng
3.	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ (công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên)	Hồ Chí Minh	51,80%	65,00%	Kinh doanh bất động sản
4.	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức (công ty con của Công ty Cổ phần Logistic Vicem) (*)	Hồ Chí Minh	48,37%	96,58%	Kinh doanh bất động sản

(*) Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết được tính trên vốn góp thực tế của chủ sở hữu đến thời điểm 30/6/2024.

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng công ty:

STT	Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Xi măng Nghi Sơn	Thanh Hóa	35,00%	(i)	Sản xuất xi măng
2.	Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	Hồ Chí Minh	35,00%	(i)	Sản xuất xi măng
3.	Công ty Xi măng Chinfon	Hải Phòng	14,44%	(i)	Sản xuất xi măng
4.	Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Cần Thơ	48,17%	48,17%	Sản xuất xi măng
5.	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng (ii)	Hải Phòng	48,99%	48,99%	Sản xuất bao bì
6.	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn (ii)	Hà Nam	34,29%	34,29%	Sản xuất bao bì
7.	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn (ii)	Thanh Hóa	49,00%	49,00%	Sản xuất bao bì
8.	Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch (ii)	Hải Dương	27,76%	27,76%	Sản xuất bao bì
9.	Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên (ii)	Hồ Chí Minh	38,45%	38,45%	Sản xuất bao bì
10.	Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (ii)	Hà Nội	24,00%	24,00%	Xây dựng

(i): Các công ty liên doanh.

(ii): Theo Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định 528/QĐ-BXD ngày 11/06/2024, Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn tại các công ty liên kết này.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam ("báo cáo tài chính riêng") được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty được lập trên cơ sở cộng số liệu trên báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc. Các giao dịch và số dư nội bộ liên quan đến đầu tư vốn (cấp vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn vay hộ, ...), cung cấp hàng hóa, dịch vụ, thu hộ, chi hộ, lãi/lỗ nội bộ chưa thực hiện giữa Văn phòng Tổng công ty với các đơn vị hạch toán phụ thuộc hoặc giữa các đơn vị hạch toán thuộc với nhau được loại trừ khi trình bày các chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc được lập cùng năm và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất với báo cáo tài chính của Tổng công ty.

Theo Quyết định số 1008/QĐ-XMVN ngày 15/6/2011, Hội đồng thành viên Tổng công ty đã phê duyệt việc thành lập Viện Công nghệ Xi măng Vicem, một đơn vị sự nghiệp, tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động, trực thuộc Tổng công ty và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề theo quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Công nghệ Xi măng Vicem do Tổng công ty phê duyệt. Báo cáo tài chính của Viện Công nghệ Xi măng Vicem hàng năm không được cộng hợp vào báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cho cùng năm tài chính.

Tổng công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc đồng thời báo cáo tài chính riêng này với báo cáo tài chính hợp nhất để có đầy đủ thông tin về hoạt động của Tổng công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này:

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.3. Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tổng công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Tổng công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản cho vay để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh trước ngày đầu tư được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư tài chính được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính/Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào giá trị thị trường của cổ phiếu hoặc báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên nhận đầu tư.

4.4. Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền, bằng sáng chế và các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bản quyền, bằng sáng chế được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 4 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 4 năm.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước theo hợp đồng thuê đất tại Khu công nghiệp Đông Hồi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An ký với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An vào ngày 23/11/2012 trong thời hạn là 46 năm 10 tháng. Tổng công ty chưa thực hiện phân bổ giá trị quyền sử dụng đất do toàn bộ khu đất này hiện đang được sử dụng để xây dựng Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi, Nghệ An.

4.8. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.9. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.10. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng công ty không có khoản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ theo các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo pháp luật về thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết tại Tổng công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần lớn quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng, Tổng công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các mối quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	912.802.932	594.420.945
Tiền gửi ngân hàng	138.994.628.762	154.708.263.628
Các khoản tương đương tiền (i)	478.961.289.787	504.746.274.597
Cộng	618.868.721.481	660.048.959.170

(i) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các tổ chức tín dụng.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	2.251.064.841.190	2.088.399.236.914
Cộng	2.251.064.841.190	2.088.399.236.914

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các tổ chức tín dụng.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	420.606.981.023	364.920.631.615
Phải thu khách hàng khác	902.410.191	299.641.407
Cộng	421.509.391.214	365.220.273.022

Chi tiết phải thu khách hàng là bên liên quan

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	25.108.296.570	24.615.322.650
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	4.540.033.688	4.207.818.555
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	1.476.410.766	646.871.065
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	310.283.513.014	269.680.480.312
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	37.928.708.136	33.205.150.178
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	29.106.173.629	23.063.240.857
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4.711.876.431	2.148.239.121
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	4.381.155.456	3.987.295.058
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	110.057.448	97.165.258
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.201.089.693	531.011.607
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	331.398.671	904.684.075
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	133.171.634	321.162.162
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	212.373.837	105.795.184
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	52.699.622	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	48.376.432	33.901.905
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	-	2.341.836
Công ty Cổ phần Logistic Vicem	438.794.092	362.706.909
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	325.604.720	261.571.125
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	104.828.045	233.527.975
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	91.950.967	58.039.957
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	20.468.172	19.445.790
Công ty TNHH Siam City Cement	-	434.860.036
Cộng	420.606.981.023	364.920.631.615

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trả trước cho bên liên quan	317.689.647	-
Viện Công nghệ Xi măng Vicem	317.689.647	-
Trả trước cho nhà cung cấp khác	94.288.543.438	92.154.932.438
Công ty Cổ phần TID	56.716.805.883	56.716.805.883
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng	32.751.879.820	32.751.879.820
Các nhà cung cấp khác	4.819.857.735	2.686.246.735
Cộng	94.606.233.085	92.154.932.438

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Tại ngày 30/6/2024, Tổng công ty có các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn với các bên liên quan như sau:

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	395.000.000.000	396.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	175.000.000.000	180.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	77.000.000.000	77.500.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	259.000.000.000	260.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	149.500.000.000	150.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	41.500.000.000	42.000.000.000
Cộng	1.097.000.000.000	1.105.500.000.000

10. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu lãi cho vay (*)	47.492.450.180	-	43.933.210.439	-
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia (*)	76.187.841.200	-	252.828.876.400	-
Phải thu chênh lệch Vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ tại Vicem Hải Phòng (*)	70.936.775.046	-	70.936.775.046	-
Lãi dự thu ngân hàng	36.258.431.419	-	48.576.976.791	-
Tạm ứng	4.538.144.997	-	4.817.213.997	-
Ký quỹ, ký cược	20.000.000	-	20.000.000	-
Phải thu khác	594.043.358	-	814.829.350	-
Cộng	236.027.686.200	-	421.927.882.023	-

(*): các khoản phải thu bên liên quan, chi tiết xem Thuyết minh số 32.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

11. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

		30/06/2024		01/01/2024	
Thời gian quá hạn	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Năm	Năm	VND	VND	VND	VND
Từ 1 - 2 năm	Từ 1 - 2 năm	615.428.800	307.714.400	615.428.800	307.714.400
Từ 2 - 3 năm	Từ 2 - 3 năm	126.646.000	37.993.800	126.646.000	37.993.800
Trên 3 năm	Trên 3 năm	88.704.000	-	88.704.000	-
Cộng ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Trên 3 năm	904.779.684	-	904.779.684	-
Cộng ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Trên 3 năm	14.641.407	-	14.641.407	-
Cộng ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng	Trên 3 năm	-	-	-	-
Cộng		1.750.199.891	345.708.200	1.750.199.891	345.708.200
			(1.404.491.691)		(1.404.491.691)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc (*)	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ Tại ngày 01/01/2024	31.091.857.610	1.125.420.343	27.062.328.730	28.058.112.481	87.337.719.164
	31.091.857.610	1.125.420.343	27.062.328.730	28.058.112.481	87.337.719.164
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ Tại ngày 01/01/2024	25.169.205.131	1.125.420.343	17.087.505.604	27.258.136.620	70.640.267.698
	128.329.104	-	713.547.570	359.682.488	1.201.559.162
Tại ngày 30/06/2024	25.297.534.235	1.125.420.343	17.801.053.174	27.617.819.108	71.841.826.860
GIÁ TRỊ CÒN LẠI Tại ngày 01/01/2024	5.922.652.479	-	9.974.823.126	799.975.861	16.697.451.466
	5.794.323.375	-	9.261.275.556	440.293.373	15.495.892.304
Tại ngày 30/06/2024	12.459.241.181	1.125.420.343	12.791.377.460	27.013.664.626	53.389.703.610
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng	5.799.706.162	-	-	-	5.799.706.162
Nguyên giá TSCĐ không có nhu cầu sử dụng					

(*): Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30/6/2024 bao gồm giá trị của Khu nhà điều dưỡng 5 tầng tại thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa với giá trị là 5.799.706.162 đồng (đã khấu hao hết) và được Tổng công ty phân loại là tài sản không có nhu cầu sử dụng. Tổng công ty đang trình xin ý kiến Bộ Xây dựng để bàn giao Khu nhà điều dưỡng này cho Viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng - Bộ Xây dựng.



TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Bản quyền bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2024	374.116.278.348	13.830.660.674	4.753.121.000	392.700.060.022
Tại ngày 30/06/2024	374.116.278.348	13.830.660.674	4.753.121.000	392.700.060.022
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2024	-	13.830.660.674	4.753.121.000	18.583.781.674
Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2024	-	13.830.660.674	4.753.121.000	18.583.781.674
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2024	374.116.278.348	-	-	374.116.278.348
Tại ngày 30/06/2024	374.116.278.348	-	-	374.116.278.348
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng	-	13.830.660.674	4.753.121.000	18.583.781.674

(*): Giá trị quyền sử dụng đất tại Khu Đô thị mới Cầu Giấy, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Tổng công ty chưa thực hiện trích khấu hao giá trị quyền sử dụng đất do toàn bộ khu đất này hiện đang được sử dụng để xây dựng Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM (i)	773.059.503.169	773.059.503.169
Dự án xây dựng khu tổng hợp Vĩnh Tuy (ii)	60.063.832.637	60.063.832.637
Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung (iii)	45.755.485.802	45.755.485.802
Dự án khu cảng Đông Hồi (iv)	2.442.363.045	2.442.363.045
Cộng	881.321.184.653	881.321.184.653

- (i) Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM được phê duyệt tại Quyết định số 01510/QĐ-XMVN ngày 23/9/2010, phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư theo Quyết định số 02208/QĐ-VMVN ngày 30/12/2011 của Hội đồng thành viên VICEM; Quyết định số 3660/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của UBND thành phố Hà Nội về điều chỉnh nội dung chủ trương đầu tư tại Giấy Chứng nhận đầu tư số 01121000884 do UBND thành phố Hà Nội ban hành ngày 20/9/2010. Tổng mức đầu tư của Dự án là 2.743,76 tỷ đồng. Theo Quyết định số 3660/QĐ-UBND ngày 09/7/2019, UBND thành phố Hà Nội đã chấp thuận gia hạn tiến độ dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng trong quý IV/2020.

Ngày 10/3/2017, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 2243/VPCP-CN đề nghị Bộ Xây dựng tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan để chỉ đạo việc chuyển nhượng dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM. Ngày 09/10/2019, Bộ Xây dựng có văn bản số 2394/BXD-QLDN hướng dẫn thủ tục chuyển nhượng Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM.

Ngày 23/9/2021, VICEM có văn bản số 1619/VICEM-HĐTV gửi Bộ Xây dựng về phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của Tổng công ty Xi măng Việt Nam tại Thành phố Hà Nội và tỉnh Nghệ An. Trong đó đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đối với cơ sở nhà đất tại lô 10E6 khu đô thị mới Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội là "giữ lại tiếp tục sử dụng để đầu tư hoàn thiện Dự án Trung tâm Điều hành và giao dịch VICEM.

Ngày 28/03/2023, Bộ Xây dựng có văn bản số 1160/BXD-KHTC báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét chấp thuận chủ trương cho phép VICEM được tiếp tục đầu tư hoàn thiện Dự án Trung tâm Điều hành và giao dịch VICEM, sau khi được chấp thuận, Bộ Xây dựng sẽ chỉ đạo VICEM thực hiện, đảm bảo hiệu quả vốn đầu tư, sử dụng đất và tuân thủ các quy định của pháp luật.

Ngày 02/8/2023, tại Công văn số 5873/VPCP-CN, Văn phòng Chính phủ có ý kiến chỉ đạo Bộ Xây dựng tiếp thu ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, chỉ đạo VICEM tiếp tục đầu tư hoàn thiện Dự án theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/8/2023, Bộ Xây dựng có văn bản số 3692/BXD-KHTC gửi VICEM về việc thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 5873/VPCP-CN ngày 02/8/2023 về dự án Trung tâm Điều hành và giao dịch VICEM tại Lô 10E6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Hội đồng thành viên VICEM có Nghị quyết số 2313/NQ-VICEM ngày 07/12/2023 thống nhất tiếp tục đầu tư hoàn thiện Dự án và Nghị quyết số 1030/NQ-VICEM ngày 01/7/2024 thống nhất chủ trương điều chỉnh thiết kế Dự án.

Hiện VICEM đang tập trung triển khai các thủ tục, báo cáo các cấp có thẩm quyền xin chấp thuận phê duyệt điều chỉnh Dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án để tiếp tục thực hiện đầu tư, hoàn thiện Dự án theo ý kiến chỉ đạo của Bộ Xây dựng tại Quyết định 528/QĐ-BXD ngày 11/06/2024 về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025.

- (ii) Dự án xây dựng Khu tổng hợp 122 Vĩnh Tuy được Hội đồng thành viên VICEM phê duyệt tại Quyết định số 1000/QĐ-XMVN ngày 04/7/2012, tổng mức đầu tư của Dự án là 6.501 tỷ đồng. Ngày 27/11/2015, UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 6499/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch phân Khu đô thị H2-4, tỷ lệ 1/2000.

Ngày 17/01/2019, VICEM có văn bản số 120/VICEM-HĐTV báo cáo và đề nghị Bộ Xây dựng cho phép tiếp tục quản lý, sử dụng khu đất 122 Vĩnh Tuy phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của VICEM như hiện trạng cũng như đảm bảo tiến độ cổ phần hóa. Sau cổ phần hóa, căn cứ theo yêu cầu sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển, tái cấu trúc VICEM và quy hoạch của Thành phố Hà Nội, VICEM sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền việc sử dụng đất trên theo quy định.

Ngày 20/9/2022, Bộ Xây dựng có văn bản số 4229/BXD-KHTC yêu cầu VICEM làm rõ mục đích, kế hoạch sử dụng phần diện tích đất 34.413,6 m² và xem xét đề xuất lại hình thức sắp xếp đối với phần diện tích đất là đường đi chung và phần diện tích đất thuộc quy hoạch mở đường.

Hội đồng thành viên VICEM có văn bản số 1435/VICEM-HĐTV ngày 18/7/2023 và văn bản số 60/VICEM-HĐTV ngày 10/01/2024 báo cáo Bộ Xây dựng về rà soát, cập nhật Đề án cơ cấu lại VICEM giai đoạn 2021-2025. Theo đó, định hướng đối với Dự án Khu Tổng hợp 122 Vĩnh Tuy, Hà Nội như sau:

- Tiếp tục làm việc với thành phố Hà Nội để rà soát điều chỉnh quy hoạch phù hợp với quy hoạch của Thành phố Hà Nội.
- Tiếp tục quản lý sử dụng để triển khai dự án theo đúng quy định hiện hành.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính này, VICEM đang tiếp tục rà soát, xử lý theo ý kiến chỉ đạo của Bộ Xây dựng tại Quyết định 528/QĐ-BXD ngày 11/06/2024 phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025.

- (iii) Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi được triển khai theo Quyết định số 770/QĐ-XMVN ngày 09/6/2010 của Hội đồng thành viên VICEM với tổng mức đầu tư là 819 tỷ đồng.

Ngày 28/02/2019, Hội đồng thành viên VICEM ban hành Quyết định số 363/QĐ-VICEM chấp thuận dừng dự án kể từ ngày 30/6/2018 để chuyển nhượng Dự án cho Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai ("Vicem Hoàng Mai") tiếp tục đầu tư với giá chuyển nhượng không thấp hơn 59,8 tỷ đồng.

Ngày 23/9/2021, VICEM có văn bản số 1619/VICEM-HĐTV gửi Bộ Xây dựng về phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của Tổng công ty Xi măng Việt Nam tại Thành phố Hà Nội và tỉnh Nghệ An. Theo đó, đề xuất Bộ Xây dựng chấp thuận chủ trương cho VICEM được điều chỉnh dự án để góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai để thực hiện dự án Xi măng Hoàng Mai 2.

Ngày 20/9/2022, Bộ Xây dựng có văn bản số 4229/BXD-KHTC, trong đó đối với Khu đất tại Khu công nghiệp Đông Hồi, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An (dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi) yêu cầu Hội đồng thành viên VICEM cập nhật vào kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp.

Ngày 09/01/2023, VICEM đã phối hợp với Vicem Hoàng Mai làm việc với UBND tỉnh Nghệ An để xin hướng dẫn, hỗ trợ các thủ tục để xử lý dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi. Tại Thông báo số 31/TB-UBND ngày 18/01/2023 UBND tỉnh Nghệ An đã thống nhất với đề xuất của VICEM về chấm dứt hoạt động của dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi và về nguyên tắc ủng hộ Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai đề xuất dự án Trạm nghiền xi măng tại vị trí Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung sau khi dự án này hoàn thành các thủ tục để chấm dứt hoạt động, xử lý tài chính, tài sản theo đúng quy định.

Ngày 24/8/2023, Hội đồng thành viên VICEM có văn bản số 1654/VICEM-HĐTV báo cáo Bộ Xây dựng về việc triển khai các thủ tục chấm dứt hoạt động dự án đầu tư Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung tại KCN Đông Hồi, tỉnh Nghệ An.

Ngày 25/12/2023, Vicem Hoàng Mai có văn bản số 4756/XMHM-NĐD trình VICEM về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Trạm nghiền xi măng tại KCN Đông Hồi - Nghệ An. Ngày 25/01/2024, VICEM có văn bản số 117/VICEM-ĐTXD gửi Vicem Hoàng Mai và Người đại diện phần vốn của VICEM tại Vicem Hoàng Mai góp ý về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Trạm nghiền xi măng tại Đông Hồi - Nghệ An. Vicem Hoàng Mai đang phối hợp với đơn vị tư vấn rà soát, chỉnh sửa hoàn thiện Báo cáo.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính này, VICEM đang tiếp tục thực hiện báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét thống nhất chủ trương để triển khai các thủ tục chấm dứt hoạt động dự án đầu tư Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung và gắn với đề xuất của Vicem Hoàng Mai về thực hiện dự án Trạm nghiền xi măng tại vị trí dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung sau khi dự án này hoàn thành các thủ tục chấm dứt hoạt động dự án đầu tư theo quy định.

- (iv) Dự án Cảng VICEM tại Đông Hồi được thực hiện theo Quyết định số 659/QĐ-VICEM của Hội đồng thành viên VICEM ban hành ngày 04/4/2016, tổng mức đầu tư là 1.978 tỷ đồng.

Ngày 20/11/2018, Hội đồng thành viên VICEM ban hành Quyết định số 2146/QĐ-VICEM phê duyệt chấm dứt dự án đầu tư xây dựng Cảng Đông Hồi kể từ ngày 30/6/2018 với giá trị quyết toán là 2.680.806.045 đồng. VICEM và Vicem Hoàng Mai có văn bản báo cáo UBND tỉnh Nghệ An chấp thuận cho Vicem Hoàng Mai tiếp tục lập dự án hoặc/và làm Nhà đầu tư thực hiện dự án cảng biển tại Đông Hồi, tỉnh Nghệ An đồng bộ với dự án Xi măng Hoàng Mai 2.

Ngày 05/10/2020, Vicem Hoàng Mai có văn bản số 3249/BC-XMHM báo cáo Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, trong đó có nội dung: Dự án đang tạm giãn tiến độ triển khai do hiện nay UBND tỉnh Nghệ An đang phối hợp với Bộ Giao thông Vận tải lập quy hoạch cảng Đông Hồi giai đoạn 2020-2035 và tầm nhìn đến năm 2050.

Ngày 22/9/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1579/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ngày 09/01/2023, VICEM đã phối hợp với Vicem Hoàng Mai làm việc với UBND tỉnh Nghệ An về dự án Cảng VICEM tại Đông Hồi. Tại Thông báo số 31/TB-UBND ngày 18/01/2023 của UBND tỉnh Nghệ An có nội dung: Sau khi quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn năm 2050 và Quy hoạch chi tiết khu bến cảng Đông Hồi được phê duyệt, đáp ứng đủ nhu cầu hàng hóa thông qua cảng, đề nghị Vicem Hoàng Mai đề xuất đầu tư dự án trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

Ngày 02/02/2023, Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An có văn bản số 122/KKT-KHĐT gửi VICEM và Vicem Hoàng Mai để hướng dẫn triển khai thực hiện Thông báo số 31/TB-UBND ngày 18/01/2023.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính này, VICEM và Vicem Hoàng Mai đang tiếp tục bám sát ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Nghệ An để rà soát, triển khai dự án Cảng VICEM tại Đông Hồi theo đúng quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN	30/06/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
Tiền thuê đất dự án nhà máy kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Nghệ An, Đồng Hới	13.791.802.000		13.791.802.000	
Cộng	13.791.802.000		13.791.802.000	

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	1.875.000.000.000	(5.453.604.530)	1.875.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	920.000.000.000	(60.603.528.703)	920.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	1.132.027.198.900	(1.132.027.198.900)	1.132.027.198.900	(1.069.662.553.242)
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	2.584.434.333.100	-	2.584.434.333.100	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	733.291.747.950	-	733.291.747.950	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	898.556.152.000	(50.132.832.935)	898.556.152.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	510.918.000.000	-	510.918.000.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	314.637.600.000	(50.060.661.428)	314.637.600.000	(33.938.987.035)
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	516.550.000.000	(286.149.025.660)	516.550.000.000	(252.585.043.502)
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.605.858.460.000	(1.605.858.460.000)	1.605.858.460.000	(1.605.858.460.000)
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	279.365.401.780	-	279.365.401.780	-
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	35.786.140.000	-	35.786.140.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	65.147.000.000	-	65.147.000.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	41.990.150.000	-	41.990.150.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	16.290.600.000	-	16.290.600.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	3.354.500.000	-	3.354.500.000	-
Công ty Cổ phần Logistic Vicem	92.096.300.000	-	92.096.300.000	-
Cộng	11.625.303.583.730	(3.190.285.312.156)	11.625.303.583.730	(2.962.045.043.779)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Xi măng Nghi Sơn	872.610.611.500	-	872.610.611.500	-
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	814.863.899.899	-	814.863.899.899	-
Công ty Xi măng Chínfon	194.035.068.000	-	194.035.068.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	36.611.500.000	-	36.611.500.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	14.754.500.000	-	14.754.500.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	22.634.323.995	-	22.634.323.995	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	18.620.000.000	-	18.620.000.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	4.441.000.000	-	4.441.000.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	15.380.500.000	-	15.380.500.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	12.000.000.000	(12.000.000.000)	12.000.000.000	(10.228.000.000)
Cộng	2.005.951.403.394	(12.000.000.000)	2.005.951.403.394	(10.228.000.000)

18. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Tám lợp - Vật liệu xây dựng Đồng Nai	43.625.888.700	(41.244.232.500)	43.625.888.700	(41.357.644.700)
Công ty Cổ phần Tài chính Tín Việt	97.543.511.250	(2.108.196.080)	97.543.511.250	-
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai - Kratie	96.000.000.000	(1.940.356.659)	96.000.000.000	(4.250.263.953)
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú - Kratie	105.000.000.000	-	105.000.000.000	-
Cộng	342.169.399.950	(45.292.785.239)	342.169.399.950	(45.607.908.653)

Theo Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định 528/QĐ-BXD ngày 11/06/2024, Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn tại các công ty này.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	5.169.703.145	5.169.703.145	10.259.343.925	10.259.343.925
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	2.507.095.428	2.507.095.428	1.677.208.852	1.677.208.852
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	2.662.607.717	2.662.607.717	2.552.738.147	2.552.738.147
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bìem Sơn	-	-	282.000.000	282.000.000
Công ty TNHH một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	-	-	4.665.195.739	4.665.195.739
Viện Công nghệ Xi măng Vicem	-	-	1.082.201.187	1.082.201.187
Phải trả người bán khác	26.560.643.906	26.560.643.906	27.183.618.300	27.183.618.300
Công ty Cơ khí và Xây dựng Posco E&C Việt Nam	25.190.394.192	25.190.394.192	25.190.394.192	25.190.394.192
Các nhà cung cấp khác	1.370.249.714	1.370.249.714	1.993.224.108	1.993.224.108
Cộng	31.730.347.051	31.730.347.051	37.442.962.225	37.442.962.225

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.899.990.921	6.470.527.677	6.269.462.164	4.101.056.434
Thuế thu nhập cá nhân	568.849.202	18.492.625.621	18.573.230.082	488.244.741
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.095.621.635)	-	-	(8.095.621.635)
Lợi nhuận phải nộp về Ngân sách nhà nước	65.485.830.121	-	65.485.830.121	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	5.609.746.556	5.609.746.556	-
Các loại thuế, phí khác	(22.527.667)	4.000.000	4.000.000	(22.527.667)
- Phải thu	(22.527.667)	-	-	(22.527.667)
- Phải nộp	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	61.836.520.942	30.576.899.854	95.942.268.923	(3.528.848.127)
Trong đó:				
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8.118.149.302			8.118.149.302
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	69.954.670.244			4.589.301.175

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí phải trả về đầu tư xây dựng cơ bản	19.415.981.031	19.415.981.031
Chi phí từ thiện, ủng hộ	39.417.713.569	46.637.530.041
Chi phí phải trả khác	771.494.144	6.625.768.608
Cộng	59.605.188.744	72.679.279.680

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	133.349.112	133.791.841
Phải trả về cổ phần hóa	10.200.000	10.200.000
Quỹ ủng hộ công tác xã hội, từ thiện (i)	15.318.575.229	18.947.575.229
Quỹ hỗ trợ Tây Nam Bộ (ii)	3.199.157.822	3.199.157.822
Các khoản khác	5.531.779.055	4.823.025.566
Cộng	24.193.061.218	27.113.750.458

- (i) Quỹ ủng hộ từ thiện và nhân đạo của Tổng công ty nhằm mục đích hỗ trợ các công ty thành viên gặp khó khăn về sản xuất kinh doanh, thu nhập của công nhân viên chức lao động thấp; để hỗ trợ các đơn vị, cá nhân giúp đỡ ủng hộ Tổng công ty trong việc thực hiện hoàn thành nhiệm vụ chính trị, chăm lo đến việc làm thu nhập của cán bộ công nhân viên Tổng công ty; để ủng hộ công tác từ thiện, nhân đạo, xã hội. Quỹ được xây dựng bằng một phần tiền lương tự nguyện ủng hộ của cán bộ công nhân viên lao động và các nguồn hỗ trợ khác.
- (ii) Quỹ hỗ trợ Tây Nam Bộ: Quỹ được lập trên cơ sở chỉ đạo của Ban chỉ đạo Tây Nam Bộ để thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW về phương hướng phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Nguồn hình thành Quỹ được đóng góp từ các công ty thành viên VICEM và Công ty mẹ - VICEM.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
Số 228 Lê Duẩn, phường Trưng Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B09a - DN

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023	15.033.985.412.409	97.859.545.560	1.430.538.453.129	-	16.562.383.411.098
Lãi trong năm	-	-	-	413.239.464.770	413.239.464.770
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	123.971.839.431	(123.971.839.431)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(34.227.750.000)	(34.227.750.000)
Lợi nhuận còn lại nộp Ngân sách	-	-	-	(255.039.875.339)	(255.039.875.339)
Tại ngày 01/01/2024	15.033.985.412.409	97.859.545.560	1.554.510.292.560	-	16.686.355.250.529
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(127.511.093.406)	(127.511.093.406)
Tại ngày 30/06/2024	15.033.985.412.409	97.859.545.560	1.554.510.292.560	(127.511.093.406)	16.558.844.157.123

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	30/06/2024	01/01/2024
Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ (USD)	78.686,27	78.692,82
- Euro (EUR)	483,00	483,00

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Doanh thu phí tư vấn	103.570.029.770	116.901.374.148
Doanh thu dịch vụ khác	3.847.547.564	3.230.411.443
Cộng	107.417.577.334	120.131.785.591

Doanh thu phí tư vấn với bên liên quan

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	23.160.044.972	28.234.066.290
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	3.853.711.129	5.342.773.346
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	635.704.638	681.742.964
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	54.057.843.202	58.147.871.310
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	8.982.527.962	8.503.712.312
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	5.594.216.772	6.496.359.780
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	3.965.291.224	3.767.917.258
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	364.685.554	524.382.114
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	158.868.370	62.137.548
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	620.442.672	941.915.810
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	708.631.434	2.577.993.301
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	177.384.592	205.658.176
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	98.683.940	66.314.941
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	167.832.994	91.777.484
Công ty Cổ phần TMDVVT Xi măng Hải Phòng	13.402.340	28.153.190
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	1.847.411	2.100.375
Công ty Cổ phần Logistic Vicem	717.733.033	807.996.395
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	59.290.366	181.571.746
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	49.036.500	73.425.937
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	150.210.419	119.331.320
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	32.640.246	44.172.551
Cộng	103.570.029.770	116.901.374.148

Doanh thu dịch vụ khác với bên liên quan

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	185.600.000	452.064.363
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	638.886.293	31.837.000
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	410.165.455	275.278.287
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	881.506.599	285.749.758
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	325.462.963	254.545.455
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	292.592.593	223.300.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	-	119.460.307
Viện Công nghệ Xi măng Vicem	7.672.195	17.540.734
Công ty TNHH Siam City Cement	-	1.311.544.630
Cộng	2.741.886.098	2.971.320.534

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.521.250.757	3.490.206.413
Cộng	3.521.250.757	3.490.206.413

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	59.210.360.600	88.694.196.798
Lãi cho các đơn vị thành viên vay vốn	10.362.684.936	23.481.132.347
Cổ tức, lợi nhuận được chia	42.094.500.000	144.422.031.037
Lãi chênh lệch tỷ giá	87.366.598	36.238.261
Cộng	111.754.912.134	256.633.598.443

Chi tiết lãi cho các đơn vị thành viên vay vốn

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	1.974.191.781	3.966.904.107
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	2.126.164.384	5.155.835.617
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	916.312.330	2.062.761.642
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	3.075.249.317	7.200.485.776
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.774.227.398	3.867.945.205
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	496.539.726	1.227.200.000
Cộng	10.362.684.936	23.481.132.347

Cổ tức, lợi nhuận được chia

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Công ty Xi măng Nghi Sơn	42.094.500.000	60.648.700.000
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	-	83.773.331.037
Cộng	42.094.500.000	144.422.031.037

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	30.166.614
Trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	229.697.144.963	48.000.427.448
Cộng	229.697.144.963	48.030.594.062

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Chi phí nhân công	73.342.506.167	72.220.238.366
Chi phí vật liệu quản lý	2.199.283.280	2.111.848.676
Chi phí đồ dùng văn phòng	362.592.355	1.046.820.888
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.201.559.162	2.260.511.167
Thuế, phí và lệ phí	5.960.833.525	5.724.521.211
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	-	(200.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.879.879.141	5.446.143.202
Chi phí khác	25.511.511.355	32.951.749.857
Cộng	113.458.164.985	121.561.833.367

30. THU NHẬP KHÁC, CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Thu nhập khác		
Các khoản khác	-	3.974.436
Cộng	-	3.974.436
Chi phí khác		
Tiền chậm nộp thuế, phạt thuế, truy thu thuế	1.763.979	613.751
Các khoản khác	5.258.190	-
Cộng	7.022.169	613.751

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.561.875.635	3.158.669.564
Chi phí nhân công	75.005.883.624	73.217.665.428
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.201.559.162	2.260.511.167
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.960.833.525	5.724.521.211
Chi phí khác bằng tiền	32.249.263.796	40.690.672.410
Cộng	116.979.415.742	125.052.039.780

32. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan của Tổng công ty

Bên liên quan

Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch
 Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng
 Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp
 Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên
 Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn
 Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn
 Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai
 Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Mối quan hệ

Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
 Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long
 Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem
 Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng
 Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng
 Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng
 Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng
 Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch
 Công ty Cổ phần Logistic Vicem
 Công ty Xi măng Nghi Sơn

Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)

Công ty Xi măng Chinfon

Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô
 Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng
 Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn
 Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn
 Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch
 Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên
 Công ty Cổ phần Sông Đà 12
 Viện Công nghệ Xi măng Vicem

Mối quan hệ

Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty liên doanh
 (đồng kiểm soát)
 Công ty liên doanh
 (đồng kiểm soát)
 Công ty liên doanh
 (đồng kiểm soát)
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Đơn vị sự nghiệp trực thuộc

Trong kỳ, ngoài các giao dịch đã trình bày ở các thuyết minh khác, Tổng công ty có các giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

Phải thu lãi cho vay

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	9.948.273.972	7.974.082.191
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	1.049.123.288	1.537.438.356
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	3.582.958.905	3.582.958.905
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	9.699.801.371	8.783.489.041
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	11.615.848.808	12.120.951.536
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	11.351.213.699	9.576.986.301
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	245.230.137	357.304.109
Cộng	47.492.450.180	43.933.210.439

Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	-	171.641.035.200
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	40.062.007.500	45.062.007.500
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	29.474.681.700	29.474.681.700
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	6.291.152.000	6.291.152.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	360.000.000	360.000.000
Cộng	76.187.841.200	252.828.876.400

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Phải thu khác ngắn hạn

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Phải thu liên quan đến ủy thác xuất khẩu		
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	-	89.334.582
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	422.968.157	422.968.157
Phải thu chênh lệch vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	70.936.775.046	70.936.775.046
Phải thu khác		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	31.837.000	-
Viện Công nghệ Xi măng Vicem	49.173.506	40.887.535

Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	-	128.560.011
Cộng	-	128.560.011

Các khoản phải trả khác

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Viện công nghệ Xi măng Vicem	679.434.653	679.434.653
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	1.070.161.050	1.070.161.050

Mua hàng của bên liên quan

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	647.631.481	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	4.161.769.355	71.590.909
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	101.731.083	313.611.200
Viện Công nghệ Xi măng Vicem	346.336.353	928.306.922

Thu nhập của Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Thu nhập Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc	3.300.678.735	3.469.316.333

33. CÁC KHOẢN CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Liên quan tới Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Điều hành và giao dịch VICEM, Liên danh nhà thầu Posco E&C Việt Nam và Phục Hưng Holdings đã ký kết hợp đồng xây dựng số 0518/2012/HĐKT-XMVN ngày 06/4/2012 để thực hiện Gói thầu số 20 "Thi công kết cấu móng và tầng hầm đến cao độ +0.0 m" ("Gói thầu số 20") thuộc Dự án với tổng giá trị là 166,6 tỷ đồng (hợp đồng đơn giá điều chỉnh). Tổng công ty đã thực hiện thanh toán cho nhà thầu này theo tiến độ các đợt thanh toán và nghiệm thu khối lượng công trình như quy định trong hợp đồng với tổng số tiền là 140,8 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Gói thầu thi công chậm tiến độ do trong quá trình thi công có một số thay đổi, phát sinh. Sau nhiều lần làm việc, hồ sơ quyết toán A-B chưa được Liên danh nhà thầu hoàn thiện. Ngày 04/5/2018, đại diện Liên danh nhà thầu là Posco E&C Việt Nam đã gửi đơn kiện lên Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội đề nghị giải quyết tranh chấp giữa Liên danh nhà thầu và Tổng công ty liên quan đến Gói thầu số 20.

Theo Bản án sơ thẩm số 78/2021/KDTM-ST ngày 29/11/2021, Liên danh nhà thầu đề nghị giá trị quyết toán là 194,7 tỷ đồng (cao hơn 53,9 tỷ đồng so với giá trị Tổng công ty đã thanh toán cho nhà thầu). Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội đã quyết định buộc Tổng công ty phải thanh toán trả cho Liên danh nhà thầu số tiền 53,9 tỷ đồng và số tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 29/11/2021 là 27,5 tỷ đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Tổng công ty đối với Liên danh; buộc Liên danh nhà thầu phải thanh toán trả cho Tổng công ty số tiền phạt vi phạm thi công chậm tiến độ là 7,99 tỷ đồng. Ngày 10/12/2021, Tổng công ty đã gửi đơn kháng cáo số 2353/VICEM-KTPC đến Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội về việc kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 78/2021/KDTM-ST ngày 29/11/2021 để tiếp tục được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 28/10/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã tiến hành xét xử phúc thẩm và ban hành Bản án số 186/2022/KDTM-PT. Theo đó, Tòa án đã quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm số 78/2021/KDTM-ST ngày 29/11/2021, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của VICEM và không chấp nhận kháng cáo của Liên danh nhà thầu về việc thanh toán phần việc thi công gói 19 và tiền phạt chậm tiến độ, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo tiền lãi chậm trả.

Ngày 05/12/2022, VICEM đã có đơn đề nghị gửi Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm và hoãn thi hành án đối với các Bản án sơ thẩm và phúc thẩm nêu trên. Ngày 19/12/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã có Văn bản số 14/TANDCC-KDTM yêu cầu Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội ra quyết định hoãn thi hành Bản án phúc thẩm số 186/2022/KDTM-PT của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày ra văn bản yêu cầu hoãn thi hành án để có thời gian xem xét lại Bản án phúc thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm.

Ngày 21/03/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 04/2023/KN-KDTM.

Ngày 27/08/2023 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ban hành quyết định giám đốc thẩm số 19/2023/KDTM-GĐT, theo đó Tòa án đã quyết định hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 186/2022/KDTM-PT ngày 28/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 78/2021/KDTM-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Tổng công ty chưa nhận được thông báo liên quan của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Do đó, Tổng công ty chưa có đầy đủ cơ sở để ghi nhận cho các khoản phải thanh toán bổ sung, nếu có, từ vụ kiện này trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024.

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hầu hết hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong kỳ được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Trong đó, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker. Các ngành nghề kinh doanh liên quan bao gồm: kinh doanh than, thạch cao, vận tải cho chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh xi măng; cung ứng các dịch vụ tư vấn, chuyển giao kỹ năng quản lý, quản trị doanh nghiệp, kỹ thuật, thị trường; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; tư vấn đầu tư, xây dựng và phát triển xi măng; lĩnh vực vật liệu xây dựng liên quan chuỗi giá trị ngành xi măng; và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh. Vì vậy, không có báo cáo bộ phận cần trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

35. THÔNG TIN KHÁC

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập của Kiểm soát viên	398.178.450	405.882.971

36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024.

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu tại ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi kiểm toán độc lập.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Trịnh Thị Hương

Văn Quang Đức

Lê Nam Khánh